

Số: 301 /CV-BVC
V/v: Mời báo giá thiết bị

Sông Công, ngày 22 tháng 03 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện C Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện C Thái Nguyên năm 2024” với nội dung cụ thể như sau.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 595 Trần Hưng Đạo, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Hồ Linh Chi

Số điện thoại: 0983740586

Địa chỉ email: vanthu14bvc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng văn bản, có chữ ký và dấu đỏ của đơn vị gửi về địa chỉ: Bệnh viện C Thái Nguyên, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

- Hoặc nhận qua Email: Nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng File mềm (bản PDF và văn bản Excel) gửi vào Email: vanthu14bvc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14 giờ 00 phút ngày 22 tháng 03 năm 2024 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 04 tháng 04 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục kèm mô tả yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và thông tin liên quan (chi tiết theo bảng phụ lục I kèm theo công văn này)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện C Thái Nguyên, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

3. Thời gian giao hàng dự kiến: thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu Quý II, III năm 2024.



4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có tạm ứng, thanh toán 1 lần bằng hình thức chuyển khoản sau khi nhận được hàng và đầy đủ hóa đơn, biên bản bàn giao và nghiệm thu, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành.

5. Thông tin khác:

Nội dung bản báo giá theo mẫu tại thông tư 14/2023/TT-BYT (Phụ lục II đính kèm công văn).

Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam đã bao gồm thuế VAT và tất cả chi phí liên quan.

Rất mong nhận được sự quan tâm và gửi báo giá của Quý đơn vị.

Bệnh viện C xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC



The stamp is a red circular seal with the text "Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN" around the perimeter and "BỆNH VIỆN C" in the center. A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Duy Hưng



A partial red circular stamp is visible on the right edge of the page, showing the text "THÁI NGUYÊN" and "BỆNH VIỆN C".

Phụ lục I
DANH MỤC THIẾT BỊ

STT	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	<p>Hệ thống CT Scanner < 64 lát cắt/vòng quay</p> <p>1. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 1 pha 220 V/50Hz; 3 pha 380 V/50Hz ($\pm \leq 10\%$) - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa $\leq 28^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa $\leq 80\%$ (không ngưng tụ) <p>2. Yêu cầu cấu hình</p> <p>2.1. Phần cứng hệ thống, tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoang máy (Gantry), bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ đầu thu (Detector): 01 bộ + Bóng X-quang: 01 bóng - Tủ phát cao thế: 01 bộ - Bàn bệnh nhân: 01 bộ - Trạm điều khiển và xử lý ảnh: 01 bộ <p>2.2. Phần mềm hệ thống (tối thiểu bao gồm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm tái tạo ảnh đa mặt phẳng: 01 gói - Phần mềm tạo hình ảnh không gian 3D bề mặt: 01 gói - Phần mềm tối đa cường độ chiếu để hiển thị mạch máu: 01 gói - Phần mềm tối thiểu cường độ chiếu: 01 gói - Phần mềm nội soi ảo: 01 gói - Phần mềm CT mạch - CT Angiography: 01 gói - Phần mềm Phân tích mạch - Vessel Analysis: 01 gói - Phần mềm xem ảnh: 01 gói - Phần mềm xóa xương: 01 gói - Phần mềm xóa xảo ảnh do kim loại: 01 gói - Phần mềm /Chương trình chụp nhi khoa: 01 gói - Phần mềm /Chương trình chụp CT phổ: 01 gói - Phần mềm phân tích nốt phổi: 01 gói - Phần mềm đánh giá khối u: 01 gói - Phần mềm tưới máu não: 01 gói - Phần mềm chụp mạch máu não xóa nền: 01 gói <p>2.3. Thiết bị phụ trợ, phụ kiện đi kèm theo hệ thống (tối thiểu bao gồm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo chì, kính mắt chì: 01 chiếc - Bàn đặt máy tính: 01 chiếc - UPS cho máy tính điều khiển 3KVA: 01 chiếc - Bộ phụ kiện định vị bệnh nhân: 01 bộ - Phantom cân chỉnh máy: 01 cái - Bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng: 01 cái - Hệ thống workstation và phần mềm chuyên dụng: 01 bộ - Máy in phim khô: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>3. Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <p>3.1. Khoang máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: ≥ 65 cm 	1	Hệ thống



- Khoảng cách từ trung điểm bóng tới trọng tâm: ≥ 50 cm
- Khoảng cách từ trung điểm bóng tới đầu thu: ≥ 100 cm
- Trường chụp – FOV: ≥ 25 cm đến ≤ 45 cm
- Tốc độ quay nhanh nhất: ≤ 0.8 giây/vòng
- Hệ thống hiển thị thông tin: Nằm ở trên của gantry để hiển thị thông tin bệnh nhân, thời gian, công suất nhiệt của bóng, trạng thái hệ thống hiện tại, đếm ngược thời gian quét, cảnh báo liều, chiều cao bàn và thông tin mã, tắt đếm ngược với chế độ bảo vệ màn hình hoặc tương đương
- Tối thiểu có hệ thống laser định vị bệnh nhân tích hợp trên khung máy, độ chính xác (± 2 mm)

3.2. Bộ đầu thu (Detector)

- Loại đầu thu: Sử dụng công nghệ với thiết kế tối thiểu hóa nhiễu điện tử
- Chất liệu: Solid State - Gadolinium Oxysulfide (GOS) hoặc tốt hơn
- Số lượng lát cắt/vòng quay: ≥ 32
- Số lượng dây đầu thu: ≥ 16
- Số lượng phần tử đầu thu: ≥ 11000
- Số hình chiếu: ≥ 2000 hình chiếu/vòng
- Cỡ lát cắt ≥ 5 cỡ: 32x0.8 mm, 16x0.8 mm, 8x0.8 mm, 4x0.8 mm, 2x0.5 mm

3.3. Bóng X-quang

- Dòng bóng tối thiểu: ≤ 10 mA
- Dòng bóng tối đa: ≥ 320 mA
- Điện áp bóng (kV) ≥ 6 mức điện áp: Từ ≥ 60 kV đến ≤ 140 kV
- Trữ nhiệt anode bóng: ≥ 3.5 MHU
- Tản nhiệt: ≥ 700 kHU/phút
- Kích thước tiêu điểm
- + Tiêu điểm nhỏ: $\leq 1.0 \times 1.0$ mm
- + Tiêu điểm lớn: $\leq 1.7 \times 1.7$ mm

3.4. Tủ phát cao thế

- Công suất tối đa: ≥ 32 kW

3.5. Bàn bệnh nhân

- Tải trọng: ≥ 150 kg
- Tốc độ di chuyển bàn tối đa: ≥ 100 mm/giây
- Chiều cao mặt bàn: ≥ 750 mm
- Chiều dài trường chụp: 0 đến ≤ 145 cm

3.6. Trạm điều khiển và xử lý ảnh

* Máy chính (Host)

- CPU: Bộ vi xử lý trung tâm tối thiểu là CPU ≥ 4 nhân Intel, tốc độ ≥ 3.0 GHz hoặc tương đương
- Bộ nhớ Ram: ≥ 16 GB
- Ổ cứng: ≥ 1 TB, có khả năng lưu trữ $\geq 1.900.000$ hình ảnh DICOM chưa nén
- Màn hình tối thiểu là màn hình màu LCD: ≥ 21 inches. Độ phân giải: $\geq 1,920 \times 1,080$ pixels

* Máy tái tạo (Recon)

- CPU: Bộ vi xử lý trung tâm tối thiểu là CPU ≥ 4 nhân Intel, tốc độ ≥ 3.0 GHz hoặc tương đương
- Bộ nhớ Ram: ≥ 16 GB
- Ổ cứng: ≥ 2 TB, có khả năng lưu trữ $\geq 3.800.000$ hình ảnh DICOM chưa nén
- Bộ nhớ ngoài:
 - + CD-R: ≥ 700 MB; 1100 ảnh
 - + DVD DICOM Drive $\geq 4,5$ GB 8400 ảnh

3.7. Hệ thống tái tạo hình ảnh

- Có thể hiển thị hình ảnh theo thời gian thực khi thu nhận xoắn ốc
- Tốc độ tái tạo ảnh: ≥ 20 ảnh/giây
- Độ dày lát cắt tái tạo ít nhất 7 mức: Từ ≥ 0.5 mm đến ≤ 13 mm
- Trường nhìn tái tạo: Từ ≥ 50 mm đến ≤ 450 mm
- Ma trận tái tạo tốt nhất: $\geq 1024 \times 1024$

3.8. Phần mềm tiêu chuẩn

- Có chế độ chụp tuần tự
- Có chương trình chụp
- Có chức năng thay đổi và quản lý giao thức
- Cổng giao tiếp hướng dẫn bệnh nhân
- Có chức năng thu âm tự do
- Có ít nhất 7 cặp văn bản hướng dẫn bệnh nhân tự động
- Độ dày lát cắt tái tạo có thể lựa chọn ≥ 7 mức
- Có chế độ quét bán phần $\geq 240^\circ$
- Chế độ chụp xoắn ốc
- Thời gian chụp xoắn ốc tối đa: ≥ 100 giây

3.9. Các phần mềm/chức năng chụp trên trạm điều khiển và xử lý hình ảnh

- Chương trình điều chỉnh điện áp tự động và điều chỉnh dòng bóng theo thời gian thực
- Chương trình tái tạo lập trong không gian ảnh hoặc tương đương
- Chương trình điều chỉnh giảm liều tia
- Chương trình chụp tự động với nồng độ thuốc cản quang hoặc tương đương
- Phần mềm tái tạo ảnh đa mặt phẳng hoặc tương đương
- Phần mềm tạo hình ảnh không gian 3D bề mặt hoặc tương đương
- Chương trình tính toán thể tích
- Chương trình tạo hình và hiển thị 3D
- Chương trình thoại tự động
- Có chức năng In film tự động
- Chương trình tự động quét xoắn ốc
- Phần mềm tối đa cường độ chiếu cho hiển thị mạch máu hoặc tương đương
- Phần mềm tối thiểu cường độ chiếu
- Phần mềm nội soi ảo
- Chương trình chiếu cường độ trung bình
- Phần mềm CT mạch - CT Angiography
- Phần mềm Phân tích mạch - Vessel Analysis
- Phần mềm xem ảnh
- Phần mềm xóa xương
- Phần mềm xóa nhiễu ảnh do kim loại
- Chương trình chụp nhi khoa
- Chương trình chụp CT phổ
- Phần mềm phân tích nốt phổi
- Phần mềm đánh giá khối u
- Phần mềm tưới máu não
- Phần mềm chụp mạch máu não xóa nền

3.10. Các phụ kiện khác

* Hệ thống workstation

Workstation là một máy tính làm việc độc lập với hệ thống máy chủ. Nhưng được kết nối dữ liệu với máy chủ, để nhận dữ liệu từ máy chủ. Workstation có cấu hình cao hơn, xử lý các ứng dụng lâm sàng tốt hơn.

Thông số kỹ thuật

CPU : ≥ 4 - Core, ≥ 3.4 GHz

RAM storage: ≥ 16 GB

Hard disk: ≥ 1 TB

	<p>Monitor: 19 inches – 1280 x 1024 resolution Dual monitor: Yes Các gói phần mềm chuyên dụng và chương trình ứng dụng chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phần mềm tái tạo ảnh đa mặt phẳng MPR và CPR (theo các mặt phẳng nghiêng, cong): 1 gói 2. Phần mềm tạo hình ảnh không gian 3D bề mặt (3D SSD): 1 gói 3. Chương trình tính toán thể tích (VC): 1 gói 4. Chương trình tạo hình và hiển thị 3D thể tích (VR): 1 gói 5. Phần mềm tối đa cường độ chiếu (MIP) để hiển thị mạch máu: 1 gói 6. Phần mềm tối thiểu cường độ chiếu (MinIP): 1 gói 7. Phần mềm nội soi ảo (Virtual Endoscopy): 1 gói 8. Chương trình chiếu cường độ trung bình (AIP): 1 gói 9. Phần mềm Phân tích mạch - Vessel Analysis (VA): 1 gói 10. Phần mềm xóa xương – Bone remove: 1 gói <p>* Máy tiêm thuốc cản quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy bơm thuốc cản quang tự động có ≥ 1 nòng, có màn hình điều khiển, chân đế đặt máy và có bánh xe - Tốc độ bơm: Từ ≥ 0.1ml đến ≤ 10ml/giây, mỗi nấc $\leq 0,1$ml/giây - Thể tích bơm tối đa: ≥ 200ml - Áp lực tiêm tối đa: ≥ 300 psi <p>* Máy in phim khô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức in: Laser - Loại ≥ 2 khay phim - Tốc độ in: ≥ 75 phim/giờ - Độ phân giải tối đa: ≥ 320 dpi - Có thể in ≥ 03 cỡ phim - Điều chỉnh mật độ: Tự động 		
2	<p>Máy thận nhân tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none"> - Hàng mới 100%, sản xuất năm 2023 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 V \pm 10%, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa $\leq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\leq 80\%$ 2. Yêu cầu cấu hình <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 máy - Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 dây - Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây - Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây - Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch môi: 01 cái - Giá đỡ quả lọc: 01 cái - Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây - Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái - Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc - Sách Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ (tiếng Anh + tiếng Việt) 3. Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình hiển thị, kích thước ≥ 10 inch - Pin dự phòng: Duy trì hoạt động của màn hình và khối dây máu ngoài - Nước cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Áp lực đầu vào tối đa: ≤ 6 bar + Nhiệt độ tối đa: $\leq 30^{\circ}\text{C}$ 	2	Máy

<p>+ Đầu ra tối đa cao: 1 m</p> <p>- Chương trình tự kiểm tra an toàn trước khi lọc máu: Có chương trình tự động kiểm tra tính năng an toàn bắt buộc trước mỗi ca điều trị lọc máu</p> <p>- Khối dây máu bên ngoài:</p> <p>+ Bơm máu động mạch: Tốc độ bơm từ ≥ 15 ml/phút đến ≤ 600 ml/phút; Sử dụng được tất cả các loại dây máu có đường từ ≥ 2 mm đến ≤ 10 mm.</p> <p>+ Theo dõi áp lực động mạch: Khoảng hiển thị từ ≥ -300 mmHg đến $\leq +280$ mmHg</p> <p>+ Theo dõi áp lực tĩnh mạch: Khoảng hiển thị từ ≥ -60 mmHg đến $\leq +520$ mmHg</p> <p>+ Theo dõi áp lực xuyên màng: Khoảng hiển thị từ ≥ -60 mmHg đến $\leq +520$ mmHg</p> <p>+ Bộ phát hiện khí tĩnh mạch: Phát hiện bong bóng khí</p> <p>+ Bơm Heparin: Lưu lượng truyền từ 0 đến ≤ 10 ml/giờ; Bolus ≥ 5 ml/lần</p> <p>+ Dòng dịch tối ưu: Lưu lượng dịch lọc (Qd) = Lưu lượng máu thực tế (Qb) x Hệ số AdaptedFlow (F)</p> <p>Hệ số (F): Từ ≥ 1.0 đến ≤ 2.0 với mức tăng dần ≤ 0.1</p> <p>- Khối thủy lực:</p> <p>+ Lưu lượng dịch lọc: Từ 0 đến ≤ 800 ml/phút</p> <p>+ Nhiệt độ dịch: Từ ≥ 35 °C đến ≤ 39 °C</p> <p>+ Độ dẫn điện của dịch lọc: ≥ 12.8 đến ≤ 15.7 mS/cm (25 °C)</p> <p>+ Có thể sử dụng được dịch bột Bicarbonate hoặc tương đương</p> <p>+ Lọc dịch thẩm phân: Dịch lọc siêu sạch trước khi đến màng lọc</p> <p>+ Siêu lọc: Từ 0 đến ≤ 4000 ml/giờ; Độ chính xác $\pm \leq 1\%$;</p> <p>+ Bộ phát hiện vỡ màng lọc máu: Độ nhạy ≤ 0.5 ml máu/ phút; Lưu lượng máu tối đa: ≥ 800 ml/phút</p> <p>+ Đo độ thanh thải trực tuyến: Độ chính xác của độ thanh thải $\pm \leq 6\%$</p> <p>+ Chương trình rửa máy ≥ 4 chương trình rửa</p>	
---	--



Phụ lục II
Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá/

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.



(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

